

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày: 30.5.2019

V/v Tranh chấp hợp đồng góp họ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: **không** tham gia phiên tòa:

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng góp họ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2019/QĐST – DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1970 – có mặt

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, Tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: 1. Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1953 – vắng mặt

2. Bà Phạm Thị H (T), sinh năm 1955 – vắng mặt

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D trình bày như sau:

Bà D làm đầu thảo hụi vợ chồng bà H, ông T có tham gia chơi hụi như sau:

- **Dây 1:** Vào ngày 10/9/2016âl bà D có mở 01 dây hụi tháng loại hụi 1.000.000^d (hụi khui 1 tháng/1lần), hụi mãi vào ngày 10/11/2018âl, bà H, ông T có tham chơi 02 phần hụi, trong danh sách hụi bà H lấy tên là T, gồm 28 hụi viên. Bà H và ông T đóng được 3 lần hụi sống sang lần thứ 4 kêu 500.000^d hốt vào ngày 10/12/2016âl hốt. Bà D giao số tiền là: 14.500.000^d (trừ huê hồng 400.000^d) còn giao đủ cho bà H và ông T là 14.100.000^d. Khi bà D giao tiền hụi thì bà H có ký tên vào giấy nhận tiền, ký tên là T, sau đó bà H và ông T đóng hụi chết cho bà D được 01 lần thứ 5, sang lần thứ 6 vào tháng 10/02/2017âl thì bà H, ông T kêu hốt hụi, kêu 500.000^d bà D giao số tiền là 15.000.000^d (trừ huê hồng 400.000^d), bà D giao cho bà H, ông T 14.600.000^d, bà H yêu cầu bà D trừ 1.000.000^d vào 01 chung hụi của chị S (cháu của bà H). Nên bà D giao cho bà H thực nhận số tiền là 13.600.000^d. Sau khi hốt hết hai phần hụi trong dây này thì bà H, ông T không đóng hụi chết cho bà D, bà D đã trần hụi cho bà H, ông T để giao hụi cho các tay em khác. Tổng cộng bà H, ông T không đóng cho bà D là 22 lần hụi chết = 1.000.000^d x 02 phần x 22 lần = 44.000.000^d. Như vậy dây hụi này bà H, ông T còn nợ bà D số tiền hụi chết là: 44.000.000^d (Bốn mươi bốn triệu đồng).

- **Dây 2:** Vào ngày 07/6/2016âl bà D có mở 01 dây hụi tuần loại hụi 300.000^d (hụi khui 1 tuần/1lần), hụi mãi vào ngày 01/11/2017âl, bà H, ông T có tham chơi 02 phần hụi, trong danh sách hụi bà H lấy tên là Tám, gồm 76 hụi viên. Bà H và ông T đóng được 02 lần sang lần thứ 3 kêu 140.000^d hốt vào ngày 21/6/2016âl hốt. Bà D giao số tiền là: 12.120.000^d (trừ huê hồng 100.000^d) còn giao đủ cho bà H và ông T là 12.020.000^d. Khi bà D giao tiền hụi thì bà H có ký tên vào giấy nhận tiền, ký tên là Tám, sau đó bà Huệ và ông Tùng đóng hụi chết cho bà D được 02 lần thứ 5, sang lần thứ 6 vào tháng 19/7/2016âl thì bà H, ông T kêu hốt hụi, kêu 125.000^d bà D giao số tiền là 13.700.000^d (trừ huê hồng 100.000^d), bà D giao đủ cho bà H, ông T 13.600.000^d. Sau khi hốt hết hai phần hụi trong dây này thì bà H, ông T đóng hụi chết được tới lần thứ 37 thì ngưng không đóng nữa. Bà D đã trần hụi cho bà H, ông T để giao hụi cho các tay em khác. Tổng cộng bà H, ông T không đóng cho bà D là 39 lần hụi chết = 300.000^d x 02 phần x 39 lần = 23.400.000^d. Như vậy dây hụi này bà H, ông T còn nợ bà D số tiền hụi chết là: 23.400.000^d (Hai mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Tổng cộng hai dây hụi này bà H, ông T còn nợ bà D số tiền là 67.400.000^d (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Ngoài ra vào ngày 20/11/2016âl bà H, ông T có đến hỏi vay bà D số tiền là 10.000.000^d, có làm biên nhận nợ, bà H có ký tên là T, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, không hứa hẹn ngày trả. Sau khi nhận tiền bà H có đóng lãi được 01 tháng số tiền là 1.500.000^d rồi ngưng không có đóng nữa. Hiện nay vẫn chưa trả được phần vốn gốc nào hiện bà H, ông T vẫn còn nợ bà Dung số tiền là 10.000.000^d (Mười triệu đồng), bà D có đến nhà tìm nhưng bà H, ông T bỏ đi làm

ở thành phố Hồ Chí Minh, lâu lâu có về nhưng bà H, ông T tránh né không muốn gặp mặt để trả nợ.

Nay bà D yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị H (T), ông Huỳnh Thanh T phải trả số tiền nợ hụi là 67.400.000^d (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng) và tiền nợ vay là 10.000.000^d (Mười triệu đồng). Tổng cộng hai khoản nợ hụi, nợ vay là 77.400.000^d (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn bà Phạm Thị H (T), ông Huỳnh Thanh T vắng mặt không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng, không có ý kiến phản bác hay có ý kiến khác đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn bà Phạm Thị H (T), ông Huỳnh Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai đầy đủ thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà H, ông T đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông, bà không đến, vắng mặt nhiều lần không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H (T) và ông T theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Mỹ D yêu cầu xin rút lại một phần khởi kiện đối với vợ chồng bà Phạm Thị H (T), ông Huỳnh Thanh T về số tiền nợ vay là: 10.000.000^d, là hoàn toàn tự nguyện của bà D không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết.

Tại tòa hôm nay bà Trần Thị Mỹ D chỉ yêu cầu buộc vợ chồng bà Phạm Thị H (T), ông Huỳnh Thanh T có trách nhiệm liên đới thanh toán lại cho bà D số tiền hụi là 67.400.000^d (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà D yêu cầu bà H (T), ông T cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán lại cho bà D số tiền nợ hụi là 67.400.000^d (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng) là có cơ sở xem xét. Bởi lẽ: Trong quá trình tham gia chơi hụi bà D làm đầu thảo hụi có thực hiện việc làm danh sách hụi đầy đủ, cũng như khi bà H (T), ông T hốt hụi thì bà D có làm giấy nhận tiền có chữ ký của bà H (T). Mặc khác, khi bà H (T), ông T bỏ đi không thực hiện đóng hụi chết cho bà D thì bà D cũng đã chàng hụi cho các hụi viên khác khi các hụi viên khác hốt hụi, bà D đã giao tiền hụi đầy đủ, hiện tại các dây hụi này đều đã mãn hụi, hơn thế nữa Tòa án đã tổng đạt hợp lệ niêm yết công khai đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bà H (T), ông T cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải cũng

như tham gia phiên tòa, xem như bà H (T), ông T đã khước từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D là phù hợp với quy định tại Điều 17, khoản 1, 2 Điều 20, khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 30 và Điều 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phùng; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Buộc vợ chồng bà Phạm Thị H (T), ông Huỳnh Thanh T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Mỹ D số tiền nợ hội là 67.400.000^d (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng)

Về lãi suất: Bà Trần Thị Mỹ D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị H (T), ông Huỳnh Thanh T phải nộp số tiền 3.370.000^d (Ba triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Mỹ D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.935.000^d (Một triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011516 ngày 16/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phùng; Căn cứ vào Điều 17, khoản 1, 2 Điều 20, khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 30 và Điều 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phùng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D.

Buộc bà Phạm Thị H (T), ông Huỳnh Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Mỹ D số tiền nợ hụi là 67.400.000^d (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị H (T), ông Huỳnh Thanh T phải nộp số tiền 3.370.000^d (Ba triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Mỹ D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.935.000^d (Một triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011516 ngày 16/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn là bà D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với các bị đơn là bà H (T) và ông T vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện TB : 02
- THADS huyện TB: 01
- Dương sự
- Lưu: 03

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Tuyết Sương

